

THI PHẨM “TÔI YÊU EM” CỦA PUSKIN VÀ “TƯƠNG TƯ” CỦA NGUYỄN BÌNH TỪ GÓC NHÌN SO SÁNH

Hồ Thị Thuý Ngọc

Trường Đại học Hà Tĩnh

Email: Ngọc.hothithuy@htu.edu.vn

Ngày nhận bài (received): 12/4/2022

Ngày nhận bài sửa (revised): 16/5/2022

Ngày nhận đăng (accepted): 18/5/2022

Tóm tắt

Bài viết này có hướng tiếp cận mới về hai thi phẩm nổi tiếng “Tôi yêu em” của Puskin - “Mặt trời của thi ca Nga” và “Tương tư” của Nguyễn Bình - nhà thơ tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam đã được chọn giảng trong chương trình Ngữ văn 11 hiện hành từ góc nhìn so sánh. Hai thi phẩm này bên cạnh sự khác biệt lại có một số điểm tương đồng, gợi mở nhiều điều thú vị về sự gặp gỡ của những tâm hồn thi ca khi viết về đề tài tình yêu đơn phương, đồng thời cũng cho thấy sự sáng tạo độc đáo trong mỗi thi phẩm của mỗi thi nhân.

Từ khóa: “Tôi yêu em”, “Tương tư”, so sánh, tương đồng, khác biệt.

The poem “I love you” by Puskin and “Lovesickness” by Nguyen Binh from comparative perspective.

Abstract

This article has a new approach to the two famous poems "I love you" by Pushkin as "The Sun of Russian Poetry" and "Lovesickness" by Nguyen Binh - the representative poet of modern Vietnamese literature which has been selected to teach in the current Literature 11 program from a comparative perspective. These two poems, besides the differences, have some similarities, suggesting many interesting things about the meeting of poetic souls when writing on the topic of unrequited love and showing unique features in each poem of each poet.

Keywords: "I love you", "Lovesickness", comparison, similarity, differences.

1. Đặt vấn đề

So sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm văn học của Việt

Nam và các nước khác trên thế giới có cùng thể loại, cùng đề tài, cùng nguồn cảm hứng... quả là đã mang đến nhiều điều bất ngờ, thú vị. Bởi nói như Vương Trí Nhàn, đó là "phương tiện tốt" cho biết bao người "tìm đến với những nền văn hóa khác", kết nối bạn đọc Việt Nam với thế giới. Đặc biệt, khi so sánh hai tác phẩm của hai dân tộc vừa giúp chúng ta có cơ hội tiếp cận với một hình thức tinh hoa văn hóa nhân loại vừa góp phần khơi gợi lòng yêu thích và say mê tìm tòi, khám phá tác phẩm văn học. Chúng tôi lựa chọn hai tác phẩm "*Tôi yêu em*" của Puskin - "*Mặt trời của thi ca Nga*" và thi phẩm "*Tương tư*" của Nguyễn Bính - một nhà thơ tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam đã được chọn giảng trong chương trình Ngữ văn 11 để so sánh, bởi lẽ hai tác phẩm bên cạnh những điểm tương đồng về thể loại, đề tài, cảm hứng, kết cấu... lại có những khám phá riêng, sức hấp dẫn riêng.

Hiện nay, đã có nhiều nguồn tài liệu phong phú, đa dạng định hướng giảng dạy, hỗ trợ học tập cho giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học hai tác phẩm này, tiêu biểu như: [Bộ giáo dục và Đào tạo, 2018], [Trần Nho Thìn, 2019]... Bên cạnh đó, những phát hiện và kiến giải của các nhà nghiên cứu thực sự là những tư liệu quý giá để giáo viên và học sinh tham khảo. Tuy nhiên, trong số những tư liệu chúng tôi đã tìm hiểu, chưa có tài liệu nào nghiên cứu về điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm. Vì vậy, ở bài viết này, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một hướng tiếp cận hai tác phẩm từ góc nhìn so sánh.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu tác giả và tác phẩm

2.1.1. Tác giả Puskin và thi phẩm "*Tôi yêu em*"

Đất nước Nga với những bình nguyên xinh đẹp, những rừng bạch dương vàng rực trong nắng chiều và những dòng sông thơ mộng đã sinh ra thiên tài Puskin (1799 - 1837). Ông là một nhà văn đa tài, sáng tác nhiều thể loại khác nhau nhưng nổi bật hơn cả vẫn là mảng thơ tình. Thơ tình Puskin quả đã có sức cảm mê hồn như dòng suối trong mát, ngọt lành, đọng mãi trong mỗi tâm hồn người yêu thơ. Những tác phẩm của ông - người được mệnh danh "*mặt trời thi ca Nga*" mãi mãi in dấu sâu đậm trong lòng của bao thế hệ người yêu văn thơ trên toàn thế giới trong đó không thể không kể đến tuyệt tác thơ tình "*Tôi yêu em*".

"*Tôi yêu em*" được gợi cảm hứng từ cuộc tình có thực của nhà thơ. Puskin rung động, say đắm thiếu nữ Ô-lê-nhi-na xinh đẹp, con gái vị Chủ tịch Viện Hàn lâm nghệ thuật Nga. Ông đã cầu hôn nhưng bị khước từ. Một năm sau bài thơ "*Tôi yêu em*" đã ra đời. Và người chuyển thể tác phẩm "*mang tâm hồn Nga*" đến với bạn đọc Việt Nam là dịch giả Thúy Toàn [Bộ giáo dục và Đào tạo, 2018].

<i>Nguyên bản tiếng Nga</i>	<i>Dịch thơ</i>
Я вас любил Я вас любил: любовь еще, быть может, В душе моей угасла не совсем; Но пусть она вас больше не тревожит; Я не хочу печалить вас ничем. Я вас любил безмолвно, безнадежно То робостью, то ревностью томим, Я вас любил так искренно, так нежно, Как дай вам бог любимой быть другим.	Tôi yêu em Tôi yêu em: đến nay chừng có thể, Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai; Nhưng không để em bận lòng thêm nữa, Hay hồn em phải gợn bóng u hoài. Tôi yêu em âm thầm không hy vọng, Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen, Tôi yêu em, yêu chân thành đắm thắm, Cầu em được người tình như tôi đã yêu em.

2.1.2. Tác giả Nguyễn Bính và thi phẩm “Tương tư”

Nguyễn Bính (1918-1966) tên thật là Nguyễn Trọng Bính, quê ở tỉnh Nam Định - một vùng quê Bắc Bộ vốn nổi tiếng với truyền thống văn chương, khoa bảng. Ông là một nhà thơ nổi tiếng trong phong trào Thơ Mới (1932-1945). Thơ của ông là Thơ Mới nhưng mang đậm phong cách dân gian. Nói cách khác thơ ông đích thực là một thứ thơ dân gian hiện đại. Điều đó cũng làm nên màu sắc khác lạ của ngôi sao thơ Nguyễn Bính trong bầu trời Thơ Mới trước Cách mạng tháng Tám.

Bài thơ “Tương tư” trích trong tập thơ “Lỡ bước sang ngang” [Bộ giáo dục và Đào tạo, 2018] là một bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ của Nguyễn Bính.

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông Một người chín nhớ mười mong một người Gió mưa là bệnh của giời Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng. Hai thôn chung lại một làng Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này? Ngày qua ngày lại qua ngày, Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng. Bảo rằng cách trở đò giang, Không sang là chẳng đường sang đã đành	Nhưng đây cách một đầu đình, Có xa xôi mấy cho tình xa xôi... Tương tư thức mấy đêm rồi Biết cho ai, hỏi ai người biết cho! Bao giờ bến mới gặp đò Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau? Nhà em có một giàn trầu Nhà anh có một hàng cau liên phòng Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?
---	--

2.2. Những điểm tương đồng giữa hai thi phẩm

2.2.1. Diễn tả sâu sắc tình yêu chân thành, mãnh liệt của nhân vật trữ tình

Nhân vật trữ tình trong cả hai tác phẩm đều là nhân vật trữ tình nhập vai, không trùng khít với tác giả song cũng không hoàn toàn đối lập, cách biệt, xa lạ với tác giả. Bởi hai bài thơ tình này đều bắt nguồn từ những xúc cảm cụ thể, chân thực với những trải nghiệm tình

cảm sâu sắc của chính nhà thơ. Tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ của Nguyễn Bính hay của Puskin dành cho người mình yêu đều là tình cảm đơn phương của các chàng trai. Đó là tình cảm chân thành, nồng nàn, tha thiết song không được hồi đáp. Nội dung cảm xúc được nhân vật trữ tình bày tỏ là nỗi khao khát mãnh liệt trong tình yêu với các sắc thái đa dạng và phức tạp của nó.

Ở tuyệt phẩm *“Tôi yêu em”*, nhân vật “tôi” công khai thổ lộ tình yêu cháy bỏng, say đắm, mãnh liệt với người mình yêu, nhưng lại không phải là người yêu mình. Chàng trai đã thú nhận giải bày một cách thành thực: tình cảm của tôi dành cho em vẫn luôn rực lửa không bao giờ tàn phai, trái lại, nó vẫn sống mãnh liệt trong trái tim tôi. Không phải ngẫu nhiên điệp khúc *“Tôi đã yêu em”* được nhắc lại nhiều lần như là giai điệu ngân vang từ rung động của trái tim, nhằm khẳng định tình yêu chân thành, tha thiết, đắm say. Nhưng chàng trai nghĩ đến em và nhận ra rằng tình yêu ấy không đem lại hạnh phúc, niềm vui cho em. Những từ ngữ trong nguyên tác *“hãy để...không”, “không muốn...bất cứ điều gì”* nhấn mạnh sự quyết tâm, dứt khoát phải từ bỏ tình yêu. Đằng sau những lời lẽ điềm tĩnh ấy là bao nỗi niềm chua xót, băn khoăn, day dứt, giằng xé khi ngọn lửa tình yêu đang rực cháy nhưng phải dập tắt ngay. Nhịp thơ nhanh hơn, mạnh hơn, nhiều ngắt cách kết hợp với những trạng thái tình cảm biến đổi liên tục đã cho thấy dù lí trí dù mạnh mẽ đến mức nào cũng không ngăn cản được cảm xúc đang dâng trào trong trái tim yêu. Điệp khúc *“Tôi yêu em”* điệp lại hai lần (ở câu 7 và câu 8 ở bản dịch), một lần (ở dòng thứ 7 của nguyên tác) tiếp tục khẳng định tình yêu tôi dành cho em là “chân thành, đắm say”. Mặc dù quyết tâm dứt bỏ tình cảm để em không phải bận tâm nhưng người đọc vẫn cảm nhận được một tình yêu mãnh liệt, chân thành, một thái độ dịu dàng trân trọng của nhân vật “tôi” đối với người mình yêu.

Ở bài thơ *“Tương tư”* của nhà thơ Nguyễn Bính, nhân vật trữ tình bày tỏ nỗi tương tư, nỗi nhớ nhung, nỗi khao khát yêu đương với các cung bậc đa dạng và đầy phức tạp. Tương tư là nỗi nhớ nhau của tình yêu đôi lứa. Thực tình một tâm hồn đang nhớ là một trái tim đang yêu. Nhưng trong bài thơ này tương tư lại là nỗi nhớ đơn phương. Chàng trai đã mượn hình ảnh “thôn Đoài”, “thôn Đông”, mượn chuyện nắng mưa của giới để trải lòng mình. Chàng trai đã coi “tương tư” là một căn bệnh tiềm ẩn trong chính con người mình, tự nhiên như quy luật đất trời vậy. Nỗi niềm “tương tư” của Nguyễn Bính được thể hiện với những sắc thái tình cảm muôn thuở của chuyện tương tư: có nhớ nhung: *“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ một người chín nhớ mười mong một người”*; có trách móc, hờn dỗi: *“Hai thôn chung lại một làng/ Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?... Có xa xôi mà tình xa xôi?... Tương tư thức mấy đêm rồi/ Biết cho ai, hỏi ai người biết cho?”*; có cả mong chờ:

"Bao giờ bến mới gặp đò/ Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?"; có cả ước nguyện xa xôi, nỗi băn khoăn, trăn trở: "Nhà em có một giàn trầu/ Nhà anh có một hàng cau liên phòng/ Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?". Sự tăng tiến qua các cung bậc tương tư và mong muốn xa xôi tính đến chuyện gấn bó trăm năm đã cho thấy được tấm lòng thật tâm nghiêm túc và tình yêu chân thành, tha thiết của chàng trai dành cho người mình yêu.

Tình yêu là tình cảm rất nhân văn của con người với rất nhiều trạng thái cảm xúc vừa "khả giải vừa bất khả giải" đã làm nên sắc thái đặc trưng của tình yêu đôi lứa. Thể hiện được sâu sắc điều này trong hai tác phẩm nhà thơ Puskin và Nguyễn Bính đã góp phần thể hiện được chất nhân văn trong đời sống tâm hồn của con người.

2.2.2. Diễn tả những nghịch lý trong tình yêu của nhân vật trữ tình

Yêu và được yêu, đó quả là hạnh phúc tuyệt vời. Điều đó chỉ trọn vẹn khi và chỉ khi có sự hòa điệu của hai trái tim. Thế nhưng nhân vật trữ tình trong hai tác phẩm đều yêu chân thành, mãnh liệt nhưng không được người mình yêu đáp lại. Tình yêu đơn phương với nhiều biến động phức tạp trong tâm hồn càng tạo nên nhiều nghịch lý.

Trong bài thơ "*Tôi yêu em*", có nghịch lý giữa bên ngoài và bên trong, giữa lý trí và cảm xúc, giữa cái có (tình yêu của mình) với cái không có (tình yêu của em dành cho tôi), giữa sự ích kỉ (bởi ghen tuông) và sự vị tha (dùng cảm chúc phúc em có người tình như tôi đã yêu em)... Bề ngoài cho thấy lý trí rất mạnh mẽ, dứt khoát tưởng có thể ngăn bước tình yêu của chàng trai nhưng nó lại vấp phải sự bất chấp mạnh mẽ của con tim. Mặc dù nói sẽ buông bỏ tình yêu với em nhưng rõ ràng "tôi" đã đang và vẫn yêu em. Dù rằng khi lời cầu hôn bị chối từ, nhân vật trữ tình vẫn yêu bằng một tình yêu "*âm thầm*", "*không hi vọng*", "*Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen*". Lẽ thường, đó là nguyên cớ của những lời thở than, dằn vặt, trách móc của những tâm trạng u sầu, ủ dột, tủi hờn. "Không hi vọng" là tuyệt vọng, thế nhưng nhân vật trữ tình vẫn cháy hết mình cho tình yêu. Một nghịch lý khiến cho mạch thơ thay đổi bất ngờ, xác lập nên một tâm thế trữ tình tự tin và đầy kiêu hãnh, ngời sáng một tình yêu chân thành, cao thượng, lung linh vẻ đẹp của văn hóa ứng xử trong tình yêu.

Trong bài thơ "*Tương tư*" có sự mâu thuẫn giữa bên ngoài và bên trong, giữa lý trí và cảm xúc; giữa vô lý và hữu tình... Thứ nhất, nếu xét về bề ngoài thì thật có nhiều điều vô lý: trong quan niệm tình yêu của người Việt, người chủ động phải là anh con trai, đằng này anh lại trong vai thụ động ngồi đợi chờ. Giữa chàng trai - nhân vật trữ tình và người bạn gái chẳng có cách trở gì về cả không gian lẫn thời gian (*Hai thôn chung lại một làng*). Chàng trai thôn Đoài có thể sang gặp cô gái thôn Đông thật dễ dàng. Thế mà, chàng trai vẫn hoài công chờ đợi. Nhưng nào có ai đâu mà chờ mà đợi? Đây thực chất chỉ là một mối tình đơn

phương chỉ mới có ở phía chàng trai. Cô gái đâu biết có người yêu mình thế mà chàng lại than thở, trách móc. Do đó, lời trách móc kia cũng thật vu vơ. Có lẽ do nỗi nhớ dày vò, mà đôi khi cứ ngỡ người kia vô tình, hờ hững, chẳng hề biết, chẳng muốn biết rằng mình đang khổ sở vì tương tư nên sinh ra “hòn ngược trách xuôi”. Nói khác đi, trách chỉ là một cách bộc bạch tình yêu, cũng gọi là “trách yêu”. Vì thế sự vô lí mà hóa ra hữu tình: nhà thơ đã tạo ra một tình huống để giải bày nỗi niềm, tâm trạng tương tư. Sự vô lí mà hóa ra hữu tình còn thể hiện ở chỗ, chàng trai yêu đơn phương chưa một lần dám tỏ tình với cô gái song bằng hy vọng, có khi bằng cả ảo vọng, chàng trai thấy mối quan hệ giữa mình và người mình yêu thật gần gũi. Vì vậy, người con trai trong tác phẩm luôn tưởng tượng mình và người con gái lúc nào cũng sống đôi, theo cặp. Điều đáng chú ý ở đây là thứ tự xuất hiện các cặp đôi ấy. Thoạt đầu, chỉ là “thôn Đoài” - “thôn Đông”, “bên ấy” - “bên này”, và rồi dần dần biến thành quan hệ giữa “đò” - “bến”, “bướm” - “hoa”, cuối cùng, thành quan hệ giữa “trầu” - “cau” mở ra viễn tượng kết duyên giữa hai người. Dẫu biết là chàng trai thật vô lí song lại rất hữu tình bởi vậy ai nữ trách chàng trai, một khi cuộc đời vẫn còn những mối tình đơn phương và con tim khi yêu thường có những lí lẽ riêng mà lí trí không thể giải thích?

Như vậy, thông qua những mâu thuẫn, những nghịch lí trong tâm trạng của cả hai chàng trai đã cho thấy sự nhạy cảm, tinh tế của các nhà thơ trong việc diễn tả các trạng thái tâm lí của tình yêu đơn phương. Tình yêu vô cùng gần gũi, thân thuộc mà vô biên, bí ẩn, vừa có thể lí giải vừa khó lí giải... Đó là sức hấp dẫn muôn đời của tình yêu làm cho bài thơ đọc thì xúc động, nghĩ thì sâu xa và luôn khiến con người luôn say mê kiếm tìm và khao khát khám phá, chiếm lĩnh.

2.3. Những điểm khác biệt giữa hai thi phẩm

2.3.1. Tình huống bộc lộ trạng thái cảm xúc tình yêu đơn phương của nhân vật trữ tình

Nói đến tình yêu đơn phương thường là tình yêu xuất phát từ một phía. Có thể là nỗi nhớ đơn phương khi bạn đã yêu một ai đó, nhưng lại không dám nói ra, cứ đứng từ phía xa âm thầm yêu, âm thầm nhớ thương... Đó là trường hợp của chàng trai trong bài thơ “*Tương tư*”. Còn chàng trai trong “*Tôi yêu em*” dù đã tỏ tình và bị người ta từ chối nhưng trái tim vẫn yêu mãnh liệt. Do cảnh ngộ của mỗi chàng trai trong mỗi bài thơ khác nhau nên trạng thái tâm lí, cảm xúc cũng khác nhau.

Bài thơ “*Tôi yêu em*” đã ra đời từ chính trải nghiệm tình yêu của chính tác giả Puskin. Ông đã cầu hôn người con gái mình yêu nhưng lại bị khước từ. Bài thơ vừa có độ chân thật của tình cảm, sự sâu lắng của xúc cảm, suy tư vừa thể hiện được những cung bậc, trạng thái đa dạng, tinh tế của thế giới tâm hồn con người khi yêu. Nhân vật “tôi” trong bài thơ yêu

chân thành, mãnh liệt nhưng không được người mình yêu đáp lại. Trong suốt bài thơ, tác giả tập trung khắc họa tâm trạng của chàng trai qua nghịch lí giữa tình cảm (vẫn yêu) và lí trí (muốn dừng tình yêu của mình) và cách ứng xử trước những nghịch lí đó. Bốn dòng thơ đầu cho thấy bề ngoài lí trí rất mạnh mẽ, dứt khoát tưởng có thể ngăn bước tình yêu của chàng trai nhưng nó lại vấp phải sự bất chấp mạnh mẽ của con tim. Bốn dòng thơ sau lại cho thấy cảm xúc không chịu tuân theo mệnh lệnh của lí trí, mà ngược lại giống như cái lò xo bị nén giờ lại bật tung lên càng mãnh liệt hơn. Những lớp tình cảm phức tạp trong góc khuất tâm hồn của nhân vật “tôi” dần dần được khai mở ở câu 5, câu 6. Lời thú nhận *"Tôi yêu em âm thầm không hy vọng/Lúc rụt rè, khi hăm hực lòng ghen"* đã bộc lộ bao khổ đau, day dứt của mối tình đơn phương. Dẫu biết đó là tình yêu không hy vọng, không đơm hoa kết trái, vậy mà tôi vẫn cứ âm thầm yêu em. Thế nhưng điều đáng nói ở đây là bài thơ đã có câu kết vô cùng bất ngờ, độc đáo gợi nhiều ý vị sâu sắc. Đó là lời cầu nguyện của chàng trai *"Cầu em được người tình như tôi đã yêu em"*. Tâm lí thông thường càng yêu sâu đậm thì khi không đạt được điều mình mong muốn, người ta hay có những phản ứng tiêu cực, ích kỉ, nhỏ nhen *"Yêu nhau yêu cả đường đi, ghét nhau ghét cả tông ti họ hàng"* (Ca dao), thậm chí còn thù hận nhau. Song nhân vật trữ tình đã vượt qua thói ích kỉ tầm thường ấy bằng cách ứng xử đầy nhân văn của một trái tim giàu độ lượng, giàu vị tha mấy ai có được: cầu cho người con gái mình yêu hạnh phúc với người khác nào đó. Cách ứng xử đó vụt sáng những giá trị nhân văn cao đẹp hướng con người đến những suy nghĩ tích cực và hướng thiện khi gặp trắc trở trong tình yêu.

Tác phẩm *"Tương tư"* lại chủ yếu thể hiện một cách tinh tế và sâu sắc những cảm xúc nhớ nhung, mong ngóng, đợi chờ trong tình yêu đôi lứa của nhân vật trữ tình. Cảm xúc được chàng trai bày tỏ là nỗi tương tư, nỗi nhớ nhung, nỗi khao khát yêu đương với các sắc thái đa dạng và phức tạp của nó. Nỗi tương tư giăng mắc trong không gian, trải ra trong thời gian và giày vò tâm hồn. Nếu nỗi nhớ được giải tỏa (hai người gặp nhau để tình cảm được bộc lộ) thì biết đâu hạnh phúc sẽ đến. Song vì không giải tỏa được nên nó tạo nên một sự giày vò làm nảy sinh bao nhiêu trạng thái cảm xúc phức tạp khác: giận hờn, trách móc, lo âu, mong mỏi... Bài thơ khắc khoải tình yêu đơn phương song lại kết thúc bằng một hình ảnh bất ngờ giàu sức gợi *"cau - trầu"* và nỗi nhớ thương khôn nguôi. *"Nhà em có một giàn giầu,/ Nhà anh có một hàng cau liên phòng, Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông/ Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?"*. Chàng trai cứ nói vòng vo, xa gần, cuối cùng vẫn cứ tụ lại ở điều cần nói nhất: ấy là trầu - cau! Trầu cau trong văn hóa Việt Nam thường là biểu tượng cho tình yêu và hôn nhân. Đó thực chất là ước nguyện, là khao khát của chàng trai. Khao khát em đến thì bệnh tương tư của chàng trai sẽ được cứu chữa, trầu cau sẽ thắm lại và anh

- em sẽ kết thành đôi. Cho nên dù biết là mộng tưởng xa xôi nhưng cũng rất đáng cảm thông và trân trọng. Nguyễn Bính đã khéo léo bộc lộ gương mặt tình yêu của chàng trai nơi thôn dã: vừa e dè, kín đáo lại vừa sâu sắc, mãnh liệt, chân thành. Qua nỗi tương tư, chàng trai hiện lên là người rất rụt rè, nhút nhát trong hành vi song lại mạnh mẽ vô cùng trong cảm xúc.

Như vậy, trong bài thơ “*Tôi yêu em*”, tác giả tập trung khắc họa tâm trạng của nhân vật trữ tình qua nghịch lí giữa tình cảm và lí trí và cách hòa giải những nghịch lí đó, đồng thời bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật “tôi”. Còn ở tác phẩm “*Tương tư*”, Nguyễn Bính lại chủ yếu diễn tả những cung bậc tương tư của tình yêu đơn phương để qua đó bộc lộ gương mặt tình yêu của nhân vật trữ tình.

2.3.2. Hình thức nghệ thuật

Sự khác nhau về hình thức nghệ thuật được biểu hiện ở nhiều phương diện, ở bài viết này, chúng tôi chỉ chú trọng ở phương diện ngôn ngữ. Ngôn ngữ văn học, đặc biệt là ngôn ngữ thơ có tính chính xác, hàm súc, đa nghĩa, hình tượng và biểu cảm. Ngôn ngữ văn học tạo được tác dụng và hiệu quả thẩm mĩ cho văn bản văn chương. Tuy vậy, ngôn ngữ văn học chỉ có thể đẹp và phát huy những phẩm chất của chúng khi nhà văn thực sự tài năng, có năng lực làm chủ vốn ngôn ngữ và có cá tính sáng tạo độc đáo.

Bài thơ “*Tôi yêu em*” rất tiêu biểu cho phong cách thơ Puskin. Ông đã thay thế ngôn từ kiểu cách, bóng bẩy, sáo rỗng của salon quý tộc nhiều thế kỷ bằng những ngôn từ bình dị, chân chất, trong sáng, chính xác, hàm súc. Ngôn ngữ trong tác phẩm của ông có sức truyền cảm mạnh, mang tính nhân dân sâu sắc. Đại thi hào Puskin từng quan niệm “Bút pháp càng giản dị càng tốt. Điều chủ yếu là sự chân thành. Đối tượng bản thân tự nó đã hấp dẫn đến mức chẳng cần có sự tô điểm nào, thậm chí sự tô điểm càng làm hại đến đối tượng”. Quan niệm đó cùng với tài năng của thiên tài thi ca Puskin, bài thơ “*Tôi yêu em*” tuy hình thức giản dị, không sử dụng những mỹ từ, ví von bóng bẩy, không sử dụng nhiều biện pháp tu từ (chỉ lặp lại nhiều lần điệp khúc “tôi yêu em”: bản dịch nghĩa 3 lần, bản dịch thơ 5 lần) nhưng tài năng xuất sắc của nhà thơ là đã diễn tả hết sức tinh tế và chân thực những cung bậc tình cảm phong phú và phức tạp, những sắc thái cảm xúc, những rung động sâu xa, những ấn tượng khó nắm bắt của tình yêu con người trần thế.

Bài thơ “*Tương tư*” rất tiêu biểu cho phong cách thơ Nguyễn Bính. Ngôn ngữ rất gần gũi với ngôn ngữ thơ ca dân gian: bình dị, chân thành, giàu hình ảnh, màu sắc, nhạc điệu. Nguyễn Bính không gây ấn tượng đối với người đọc bằng những hình ảnh mới lạ như những nhà Thơ Mới khác mà ông trở về với những hình ảnh bình dị nơi thôn dã gần gũi quen thuộc của làng quê Việt Nam để biểu hiện thế giới tình cảm trù phú, phong phú

của con người. Ngoài ra, Nguyễn Bính còn làm tăng sắc thái biểu hiện của ngôn ngữ thơ bằng việc sử dụng sáng tạo thành ngữ (“chín nhớ mười mong” được hoán cải từ thành ngữ “chín nhớ mười thương”); sáng tạo các hình ảnh ẩn dụ quen thuộc trong ca dao: “bến- đò” (Bao giờ bến mới gặp đò), “hoa - bướm” (hoa khuê các, bướm giang hồ), “trầu- cau” (giàn trầu/ hàng cau liên phòng)... Nhà thơ còn vận dụng ngôn ngữ phiếm chỉ hết sức đặc sắc của thơ ca dân gian vào “*Tương tư*” một cách rất tự nhiên. Những cụm từ phiếm chỉ tôi - nàng, thôn Đoài - thôn Đông, bên ấy - bên này, bến - đò, hoa - bướm cùng đại từ phiếm chỉ “ai” rất tinh tế, khó xác định chính xác đối tượng nhưng lại có tác dụng làm tăng khả năng khái quát tâm trạng điển hình của nhiều người, đồng thời tăng khả năng đồng cảm giữa những tâm hồn đồng điệu. Song điều đáng chú ý là Nguyễn Bính sử dụng hình ảnh chất liệu của ca dao nhưng ông đã thổi vào đó cái hồn của Thơ Mới tạo nên sự giao thoa độc đáo của nét hồn ca dao với thơ hiện đại. Với tài năng sử dụng ngôn ngữ của mình, Nguyễn Bính đã diễn tả tinh tế tình yêu vốn là tình cảm sâu thẳm với biết bao những cung bậc cảm xúc khác nhau. Tình cảm đặc biệt quan trọng ấy đi vào mảnh hồn thơ ông trở nên dung dị, dân già mà cũng rất lãng mạn và thơ mộng, mang đậm hồn quê, một hồn quê quen mà lạ. Trong khi phần lớn các thi sĩ cùng thời chịu ảnh hưởng của thơ phương Tây thì Nguyễn Bính lại tìm về với hồn thơ dân tộc và hấp dẫn người đọc bằng chính hồn thơ này.

Theo M. Gorki: “Nhà văn không chỉ viết bằng ngòi bút mà còn vẽ bằng từ ngữ thể hiện một cách hoàn hảo những tư tưởng của tác giả, xây dựng một bức tranh đậm đà, đắp nên những hình tượng sinh động, có sức thuyết phục đến nỗi người đọc trông thấy được những điều mà tác giả mô tả”, thì quả là nhà thơ Puskin và Nguyễn Bính đã chứng minh được điều đó.

3. Kết luận

So sánh hai tác phẩm của hai đất nước khác nhau song lại có một số điểm tương đồng về thể loại, đề tài, cảm hứng... thực sự đã mang đến nhiều điều thú vị trong khám phá văn học. Điểm tương đồng giữa “*Tôi yêu em*” của Puskin và “*Tương tư*” của Nguyễn Bính đã cho thấy sự gặp gỡ của những tâm hồn thi ca khi viết về đề tài tình yêu. Điều này không khó lí giải bởi lẽ cả hai tác phẩm đều phản ánh chân thực, sâu sắc những trạng thái, quy luật tâm lí, tình cảm phổ biến của tình yêu đơn phương. Hơn nữa, từ những nỗi niềm chủ quan thẳm kín của bản thân, khi sáng tác các thi nhân tài năng lại luôn luôn nâng lên thành người mang tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của rất nhiều người. Tuy nhiên, theo qui luật của sáng tạo nghệ thuật “Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung” (nhà văn Nga Lêônít Lêônôp), cộng thêm sự khác nhau về hoàn cảnh sống, về môi trường văn hóa, về phong cách nghệ thuật, tài năng văn chương... đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo trong mỗi thi phẩm của mỗi thi nhân. Chính điều đó đã góp phần làm phong phú thêm

mảng đề tài tình yêu trong thơ ca dẫn người đọc bước vào thế giới muôn sắc màu của tình yêu đôi lứa. Cũng từ đó, chúng ta sẽ có nhiều cơ hội đưa văn học các dân tộc gần nhau hơn, để cùng soi sáng cho nhau và cùng tỏa sáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), *Ngữ văn 11*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), *Ngữ văn 11, Sách giáo viên*, Tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Chu Văn Sơn (2003) Kỳ 7: “*Thẩm bình thơ Nguyễn Bính*”, trích từ “*Ba đỉnh cao Thơ Mới*”, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Đỗ Hải Phong (2015), *Giáo trình văn học Nga*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- Hồ Thúy Ngọc (2020) “Văn hóa ứng xử trong tình yêu qua tuyệt phẩm “Tôi yêu em” của Puskin”, *Tạp chí Khoa học*, số (20), Trường Đại học Hà Tĩnh, tr.51-57.
- Nguyễn Văn Dân (1998), *Lý luận văn học so sánh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Puskin (1986), “*Thơ trữ tình*”, bản dịch của Thúy Toàn, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- Trần Nho Thìn (2019), *Phân tích tác phẩm Ngữ Văn 11*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.